

NÂNG CAO NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VIỆT NAM

TS. Bùi Minh Đức

TS. Bùi Văn Can

Tóm tắt: Năng lực doanh nghiệp là nhu cầu nội tại của mỗi doanh nghiệp, thích ứng với cơ chế thị trường; trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ người lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nhằm đạt lợi nhuận và mục tiêu mong muốn. Nâng cao năng lực doanh nghiệp (DN) trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở Việt Nam là nâng cao trình độ, qui mô và hiệu quả các yếu tố chủ yếu của DN cả chất lượng và số lượng để thu nhiều lợi nhuận, đồng thời góp phần thực hiện chủ trương dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, theo sáu nội dung: trình độ công nghệ, kỹ thuật; trình độ nguồn nhân lực; năng lực tài chính; qui mô và số lượng doanh nghiệp, lao động; hiệu quả sản xuất kinh doanh; vai trò quản lý của nhà nước.

Từ khóa: Nâng cao năng lực doanh nghiệp ở Việt Nam, năng lực doanh nghiệp.

Summary: Enterprise capacity is the internal demand of each enterprise, adapting to the market mechanism; on the basis of technical and technological improvement, management improvement, improvement of employees' qualifications, improvement of capital use efficiency, in order to achieve profits and desired goals. Improving the capacity of enterprises in the process of industrialization and modernization in Vietnam is to improve the level, scale and efficiency of the main factors of enterprises in both quality and quantity to earn more profits, and at the same time contribute to the implementation of the policy of wealthy people, a strong country, democracy, justice and civilization, according to six contents: technology and technical level; human resource qualifications; financial capacity; size and number of enterprises and employees; production and business efficiency; the role of state management.

Keywords: Capacity building of enterprises in Vietnam; enterprise capacity.

Mở đầu

C. Mác (1818 - 1883) nhà kinh tế học vĩ đại của mọi thời đại. Ông để lại cho nền văn minh nhân loại 4 học thuyết về kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường rất có giá trị, bao gồm: Học thuyết giá trị - lao động; Học thuyết giá trị thặng dư; Học thuyết về lợi nhuận và sự phân chia

lợi nhuận; Học thuyết về tái sản xuất tư bản xã hội.

Trong các học thuyết của mình C. Mác đã trình bày cặn kẽ, logic, khoa học có sức thuyết phục về sự vận động của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN).

Sự vận động của tư bản được C. Mác phân tích ở cả hai cấp độ: Tư bản

cá biệt (từng nhà tư bản, doanh nghiệp độc lập); Tư bản xã hội (Hệ thống cộng đồng các nhà tư bản, các xí nghiệp, công ty có quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình tái sản xuất). C. Mác đã đúng khi cho rằng, mục đích trước hết, trên hết của các nhà tư bản là tìm kiếm lợi nhuận, “Mục đích của tư bản là làm giàu, là nhân giá trị lên, là làm tăng giá trị, do đó là bảo tồn giá trị trước kia và tạo ra giá trị thặng dư”, hoặc “Sản xuất giá trị thặng dư hay là tìm kiếm lợi nhuận là qui luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này” (C. Mác Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1965, tr 547- 551).

C. Mác không những chỉ ra mục đích của sản xuất tư bản (TB), mà còn chỉ ra phương pháp, cách thức tìm kiếm lợi nhuận. C. Mác cho rằng, nhà tư bản muốn có nhiều giá trị thặng dư phải nâng cao trình độ sản xuất giá trị thặng dư, “Mở rộng sản xuất, phát triển kỹ thuật, kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, tăng năng suất lao động”. Ông đã phân tích và chứng minh tài tình, quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản (CNTB) qua ba giai đoạn: hiệp tác giản đơn; công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí là ba giai đoạn nâng cao trình độ, nâng cao năng lực sản xuất ra giá trị thặng dư. Phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối là sự phản ánh trình độ (hay năng lực) sản xuất của nhà TB bằng cách sử dụng nhiều số lượng lao động; bằng cách làm tăng năng suất lao động, trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động và nâng cao cấu tạo hữu cơ TB. Trong nền kinh tế hàng hóa,

các nhà TB tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh. TB phải thắng thế trong cạnh tranh nếu không muốn bị phá sản, bị đào thải. Môi trường cạnh tranh trong hệ thống sản xuất TBCN làm cho mỗi nhà TB và cả hệ thống các nhà TB đều phát triển. Sự phát triển hệ thống sản xuất TB gồm cả số lượng và chất lượng, phải tìm mọi biện pháp hạ thấp giá trị cá biệt so với giá trị xã hội, “phải thực hiện cạnh tranh. Cạnh tranh hiệu theo nghĩa đơn giản nhất là sự ganh đua giữa những người sản xuất và lưu thông hàng hóa trên thị trường bằng những hình thức và thủ đoạn khác nhau, nhằm giành giật cho mình lợi nhuận tối đa”. C. Mác cho rằng, quá trình vận động, quá trình tuần hoàn và chu chuyển TB thì “TB phải có khả năng tự lớn lên, tự sinh lời” Tự lớn lên, tự sinh lời mà C. Mác nói ở đây chính là năng lực nội tại của nhà TB. Khi giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội nhà TB thu lợi nhuận siêu ngạch. Lợi nhuận siêu ngạch là lợi nhuận cá biệt cao hơn mức bình thường xã hội. Khi đó, người sản xuất chiến thắng trong cạnh tranh. Lợi nhuận siêu ngạch trở thành động lực mạnh mẽ của sản xuất TBCN. Cạnh tranh xuất hiện gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường nhằm tìm lợi nhuận siêu ngạch. Không dừng lại ở đó, trong nền kinh tế thị trường C. Mác chỉ ra có vô số các chủ thể sản xuất hàng hóa cùng ngành hoặc khác ngành; cộng đồng các nhà tư bản tồn tại khách quan trong một hệ thống sản xuất. Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường có “cạnh tranh nội bộ ngành và sự cạnh tranh giữa các ngành” (C. Mác,

Ăng ghen toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr 79).

Cạnh tranh nội bộ ngành là sự cạnh tranh giữa những người cùng sản xuất một loại hàng hóa. Mục đích cạnh tranh nội bộ ngành là tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch. Muốn có lợi nhuận siêu ngạch nhà TB (chủ doanh nghiệp) phải “Cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân, nâng cao cấu tạo hữu cơ TB”.

Cạnh tranh giữa các ngành là sự cạnh tranh giữa các nhà TB sản xuất các hàng hóa trong các ngành khác nhau để tìm nơi đầu tư có lợi nhuận. Phương pháp cạnh tranh là di chuyển TB từ ngành này sang ngành khác. Nhưng, kết quả cạnh tranh có thể không như mong đợi của các nhà TB, đó là sự hình thành lợi nhuận bình quân và tỷ suất lợi nhuận bình quân. Lợi nhuận bình quân là lợi nhuận bằng nhau của số TB bằng nhau đầu tư vào các ngành nghề khác nhau. Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ số tính theo % giữa tổng lợi nhuận toàn xã hội thu được trên tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Trên thị trường có vô số chủng loại hàng hóa. Các DN luôn lắng nghe mạch bảo của giá cả thị trường để tìm nơi đầu tư có lợi nhuận. Xu hướng dịch chuyển dòng vốn và lao động trên thị trường từ ngành này sang ngành khác là vẻ đẹp cạnh tranh giữa các ngành.

Từ tư tưởng kinh tế thị trường của C. Mác và Ăng ghen về năng lực DN có thể khái quát như sau: Trong cơ chế kinh tế thị trường, mục đích của doanh nghiệp là tìm kiếm lợi nhuận => phải nâng cao trình độ sản xuất => nâng cao

năng lực sản xuất => nâng cao năng lực cạnh tranh => biểu hiện cả về số lượng và chất lượng => biện pháp là nâng cao về trình độ kỹ thuật, trình độ quản lý, trình độ tay nghề của người lao động và nâng cao cấu tạo hữu cơ TB. Trong quá trình phân tích, chứng minh về ba giai đoạn phát triển của CNTB trong công nghiệp C. Mác đã phối hợp, kết hợp và thống nhất ba khái niệm để luận giải những nội dung cơ bản tương đồng: Phát triển DN; Nâng cao năng lực DN; Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Ba khái niệm có chung điểm đến là gia tăng khối lượng lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận; có chung biện pháp là cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, tay nghề của người lao động, nâng cao cấu tạo hữu cơ TB (vốn) và mở rộng thị trường; và có chung sự biểu hiện phạm vi trên thị trường là số lượng và chất lượng của mỗi DN và cả cộng đồng các DN. Năng lực của DN là khả năng sử dụng các nguồn lực được kết hợp một cách có mục đích để đạt được một mục tiêu mong muốn.

Ở Việt Nam, một nước kinh tế còn kém phát triển tham gia hội nhập kinh tế quốc tế phải nâng cao năng lực DN; phải gắn liền với tiến hành công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH), chuyển lao động thủ công sang lao động bằng máy móc; phải thể hiện được sự gia tăng cả số lượng và chất lượng mỗi DN và cộng đồng các DN.

Tóm lại, năng lực các DN là năng lực tìm kiếm lợi nhuận theo sự chi phối của các qui luật của kinh tế thị trường (qui luật cạnh tranh, qui luật giá trị, qui

luật cung - cầu v.v). Năng lực DN là khả năng hiện hữu, nội tại của mỗi doanh nghiệp và của hệ thống cộng đồng DN, thích ứng với cơ chế thị trường, trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ người lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để đạt lợi nhuận và mục tiêu mong muốn.

Nội dung nâng cao năng lực DN trong quá trình CNH, HĐH

Nâng cao năng lực DN trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam là nâng cao trình độ, qui mô và hiệu quả các yếu tố chủ yếu của DN và cộng đồng các DN (Công nghệ, kỹ thuật, quản lý, trình độ người lao động, vốn...) cả chất lượng và số lượng để thu nhiều lợi nhuận, góp phần thực hiện sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nước ta, một nước kinh tế kém phát triển đi vào xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên thế giới đang diễn ra rộng khắp và mạnh mẽ. Vì vậy, nâng cao năng lực DN, trong đó có DN vừa và nhỏ, cần ứng dụng một cách bài bản, linh hoạt, thích hợp nội dung 4 cuộc cách mạng công nghiệp mà thế giới đã trải qua.

CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại; dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

CNH, HĐH của Việt Nam có những đặc điểm sau đây: CNH, HĐH theo định hướng XHCN thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức; CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN; CNH, HĐH trong bối cảnh toàn cầu hóa, theo đó Việt Nam chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Để nâng cao năng lực DN cần tập trung vào các nội dung sau đây:

Một là nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất kinh doanh. Trình độ công nghệ, kỹ thuật là hiện thực hóa trí tuệ, trí thông minh của con người (sản phẩm nghiên cứu khoa học) thông qua công cụ lao động (máy móc, phương tiện kỹ thuật, thông tin, các phần mềm tin học,...) để tác động vào đối tượng lao động, tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường với hiệu quả tối ưu, với năng suất lao động cao nhất. Nó biểu hiện thông qua hai đặc điểm là: i) Đó là quá trình DN khai thác hiệu quả nhất công nghệ, thiết bị hiện phù hợp với chu kỳ sống của sản phẩm, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của địa phương, quốc gia và khu vực; ii) Đó là quá trình ứng dụng thành tựu công nghệ mới, tăng cường trang thiết bị kỹ thuật mới, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là ứng dụng thành tựu về công nghệ, kỹ thuật mà Cách mạng lần thứ 4 mang lại, trong đó thực hiện nhanh chóng, mạnh mẽ công cuộc chuyển đổi số với ba trụ cột: Phát triển chính quyền số gắn với đô thị thông minh; phát triển kinh tế số gắn với doanh nghiệp số và xã hội số.

Hai là nâng cao trình độ nhân lực trong quá trình CNH, HĐH. Nguồn nhân lực của các DN gồm toàn bộ vốn con người, như thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp của từng cá nhân và trình độ quản lý người lao động trong các DN của chủ doanh nghiệp.

Cần nâng cao trình độ tay nghề công nhân, nhân viên, trong đó chú ý đặc biệt đến kỹ năng, kỹ xảo và chuyên sâu tay nghề. Người lao động thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề gắn bó chặt chẽ với yêu cầu sản phẩm của thị trường.

Gắn liền với nâng cao trình độ người lao động cần tăng số lượng lao động, chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn sang lao động công nghiệp. Thu hút lao động thủ công trong nông nghiệp, nông thôn vào các nhà máy, công ty, các khu công nghiệp góp phần chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp hiện đại,

Nâng cao trình độ quản trị DN của chủ DN, trong đó quan tâm về trình độ, kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, kinh nghiệm tích lũy trên thương trường và trình độ tin học, ngoại ngữ.

Ba là tăng trưởng về số lượng DN và chuyển dịch cơ cấu ngành và thành phần kinh tế trong quá trình CNH, HĐH. Quá trình tiến hành CNH, HĐH ở Việt Nam trong điều kiện chưa tích tụ, tập trung được nguồn vốn lớn cho đầu tư phát triển các DN để có quy mô lớn về khoa học, công nghệ hiện đại, thì cần phải khuyến khích phát triển nhanh số lượng các DN. Muốn vậy, cần có cơ chế chính sách tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để các

DN phát triển nhanh về số lượng. Tăng số lượng DN là biểu hiện cụ thể của CNH, HĐH từ một nước kinh tế kém phát triển lên sản xuất lớn. Đây là nội dung quan trọng cần lưu ý để có những giải pháp phát triển DN ở các qui mô: lớn, vừa và nhỏ một cách hợp lý, tạo ra sự tăng trưởng cao cho nền kinh tế. Sớm chuyển một nền kinh tế thuần nông sang nền kinh tế mà công nghiệp giữ vai trò xương sống.

Chuyển đổi cơ cấu doanh nghiệp là một nội dung quan trọng trong quá trình CNH, HĐH, theo đó cần thúc đẩy tăng trưởng số lượng DN theo hướng đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp.

Về sở hữu, phát triển cả 3 loại hình: DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN vốn đầu tư nước ngoài, trong đó DN nhà nước vai trò chủ đạo; chú ý phát triển mạnh DN ngoài nhà nước, góp phần làm cho nền kinh tế phát triển năng động, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các loại hình DN. Mỗi loại hình doanh nghiệp đều có ưu điểm, nhược điểm riêng, vì vậy, cần phát huy ưu điểm, hạn chế nhược điểm của từng loại hình DN để có được hiệu quả cao nhất.

Về lĩnh vực hoạt động, việc tăng trưởng DN cũng cần xem xét để phát triển các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, như: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông, thủy sản, xây dựng, đảm bảo nền kinh tế phát triển đồng bộ, phục vụ thiết thực cho nhu cầu xã hội, từ đó khai thác tối đa nguồn lực ở các ngành kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển đa dạng, phong phú. Điều đó có nghĩa là, việc phát triển DN tăng nhanh

số lượng, đồng thời chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ giảm tỷ trọng nông nghiệp, thủy sản. Sự chuyển dịch cơ cấu doanh nghiệp về sở hữu, cũng như các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính là thực hiện đường lối CNH, HĐH đất nước.

Bốn là nâng cao năng lực tài chính DNN trong quá trình sản xuất kinh doanh. Năng lực tài chính của DN là khả năng, điều kiện đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động của DN nhằm đạt mục tiêu mà DN đề ra. Điều đó thể hiện qua các nội dung: Khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh ngày càng được mở rộng trong quá trình CNH, HĐH; Khả năng đủ nguồn vốn đối phó với những rủi ro trong kinh doanh; Khả năng trả nợ được các khoản vay ngắn hạn và dài hạn; Khả năng quay vòng vốn nhanh nhất, tạo ra lợi nhuận nhiều nhất.

Năm là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh (SXKD) của DN là đáp số tổng hợp phản ánh quá trình nâng cao năng lực DN. Được biểu hiện cụ thể là: DN tìm kiếm lợi nhuận và tỷ suất lợi cao nhất; Phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện mục tiêu xã hội, phát triển kinh tế bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; Góp phần giải quyết những vấn đề, như: an sinh xã hội, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo.

Sáu là vai trò của nhà nước trong quá trình nâng cao năng lực DN. Kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong quản lý nền kinh tế nói chung và sản xuất, kinh

doanh nói riêng. DN chỉ có thể phát triển lành mạnh, vững chắc khi được sự dẫn dắt, định hướng và hỗ trợ của nhà nước.

Về lý luận, nhà nước có chức năng xây dựng pháp luật, tạo sân chơi cho các chủ thể kinh tế tham gia hoạt động thị trường. Nhà nước tạo tiền đề pháp lý vững chắc để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, duy trì sự ổn định lâu dài của nền kinh tế quốc dân, nhằm tăng trưởng kinh tế bền vững. Nền kinh tế quốc gia cũng như của mỗi địa phương là một hệ thống quan hệ phức tạp, đan xen vào nhau, tác động qua lại với nhau và chi phối lẫn nhau. Trong đó chủ yếu là quan hệ giữa các ngành, các lĩnh vực; quan hệ giữa các vùng, các địa phương; quan hệ giữa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế; quan hệ giữa các doanh nghiệp; quan hệ giữa thị trường nội địa với thị trường quốc tế. Điều chỉnh kịp thời hợp lý các mối quan hệ kinh tế là điều kiện cần thiết và bắt buộc để duy trì ổn định, thường xuyên, lâu dài của nền kinh tế quốc gia và của mỗi địa phương, nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế liên tục với tốc độ và hiệu quả cao. Muốn vậy phải có một hệ thống pháp luật chuẩn xác trong quản lý nhà nước về kinh tế như là tiền đề pháp lý vững chắc để điều chỉnh kịp thời và hợp lý các quan hệ kinh tế, làm cho mọi ngành, mọi lĩnh vực, mọi vùng, mọi địa phương, mọi thành phần kinh tế và mọi công dân yên tâm huy động mọi nguồn lực của mình vào sản xuất, kinh doanh với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, với tinh thần “Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu mang tính chiến lược ở nước ta”

Về thực tiễn, nhà nước (kể cả Trung ương và địa phương) cần huy động mọi nguồn lực, sức mạnh kinh tế và pháp lý để quản lý và phát triển đất nước. Trong đó, nhà nước có thể hỗ trợ DN về vốn, đất đai mặt bằng, thông tin, công nghệ, nhân lực, thị trường, marketing cho DN một cách thực chất và hiệu quả. Nhà nước, nhất là tại địa phương cần chú ý hỗ trợ DN, tháo gỡ khó khăn, trở ngại của DN, kể cả trật tự trị an và điều kiện sản xuất, kinh doanh.

Kết luận

Việt Nam từ một nền kinh tế kém phát triển tiến lên nền kinh tế thị trường hiện đại, cần chú trọng nâng cao năng lực doanh nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo sáu nội dung đã được phân tích ở trên. Cần phát triển cả chất lượng và số lượng các DN để sớm chuyển nền kinh tế thuần nông sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ hiện đại./.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác (1984), *Tư bản quyển 1, tập 1*, NXB Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt nam, *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12 và 13*.
3. Hội đồng lý luận trung ương (1999), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin*, NXB Quốc gia.
4. Lê Văn Viện, *Giáo trình Kinh tế học Mác- Lê Nin*, Trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
5. Nguyễn Trọng Nghĩa (2004), *Tác động của quá trình công nghiệp hóa đến sự phát triển kinh tế của Đài Loan thời kỳ 1949 - 2000*.
6. Nguyễn Văn Phúc (2020), *Con đường công nghiệp hóa trong thế kỷ 21, những thách thức mới và mô hình mới*, NXB chính trị quốc gia.